

Bản án số: 41/2022/HS-ST.  
Ngày: 29.11.2022.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông P. L. L.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông: P. T. L;

Bà: H. T. T. M;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà N. T. T. T là Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

N. T. T. X, tên gọi khác: không; giới tính: Nữ; Sinh năm 1979 tại tỉnh B; Nơi cư trú: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh B; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: lớp 1/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: N. T. Q (Chết) và bà: N. T. C, SN: 1959; Chồng: Đ. V. L, SN: 1976; Con: có 04 người, lớn nhất SN: 2002, nhỏ nhất SN: 2010; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17/9/2020 bị Công an huyện A xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác, đã chấp hành xong và đã hết thời hạn được coi là bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2022 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*\* Người làm chứng:*

- Ông L. L, Sinh năm: 1950; Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện A, tỉnh B.(Vắng mặt)

- Chị P. T. N. A, Sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Thôn M, xã N, thị xã K, tỉnh P.(Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2022, N. T. T. X đến thuê 01 ngôi nhà tại Q, R, A của ông L. C. C, ông C đồng ý giao nhà cho X thuê ở và quản lý; sau đó X trang bị máy, mở karaoke, bán bia, nước giải khát tại ngôi nhà thuê này và có một số phụ nữ đến phục vụ việc hát karaoke, rót bia tại quán do X làm chủ.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/7/2022, ông L. L và ông L. V. T cùng ở D, C, A, đến quán của X; khi vào quán ông L và ông ngồi tại phòng khách uống bia; Khi đó 02 người phụ nữ cùng đi với ông L để phục vụ và vào phòng hát karaoke, T; ông L ngồi cạnh 01 người nữ tên P. T. N. A; ông T ngồi với người nữ còn lại. Ngồi 01 lúc, ông T và người phụ nữ, đi vào phòng hát karaoke; ông L và N. A, còn ở phòng khách thì ông L hỏi: em biết hát không; N. A nói: em biết hát nhưng không hay; ông L nói tiếp: giờ anh không hát được, thôi đi làm chút, chơi cái giá bao nhiêu; N. A hiểu ý là ông L muốn quan hệ tình dục nên nói: một trăm ngàn đồng 01 lần, anh lên hỏi bà X; ông L đi gặp X và chỉ tay về phía N. A, hỏi: chơi em đó giá bao nhiêu; X trả lời: giá chơi anh thương lượng với con A, còn tiền phòng anh đưa em 50.000 đồng trả tiền điện nước, xong xuôi rồi đưa tiền, ông L đồng ý. Thỏa thuận xong, X hướng dẫn ông L và N. A đi vào 01 phòng sau đã có sẵn giường; X mang vào phòng 01 quạt điện để quạt cho mát; ông L và N. A vào phòng, đóng cửa vào phòng chốt trong, rồi quan hệ tình dục; cả hai quan hệ được khoảng 5 phút thì bị lực lượng Công an xã R kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang ông L và N. A đang thực hiện hành vi mua bán dâm nên lập biên bản. Quá trình làm việc N. T. T. X đã thừa nhận hành vi chứa mại dâm của bản thân.

Vật chứng: Tạm giữ số tiền 200.000 đồng ông L. L giao nộp. Đây là số tiền ông L dùng để trả tiền mua dâm, tiền phòng.

*Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKSPC, ngày 08.11.2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo N. T. T. X về tội: “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 BLHS.*

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N. T. T. X về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS để xử phạt bị cáo N. T. T. X với mức án tù 12 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo N. T. T. X đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/7/2022, N. T. T. X có hành vi dùng nhà đã thuê bên trong có trang bị thiết bị hát karaoke tại thôn Q, xã R, huyện A làm địa điểm để ông L. L và chị P. T. N. A thực hiện hành vi mua bán dâm, nhằm thu lợi bất chính số tiền 50.000 đồng. Khi ông L và chị Anh đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an xã R kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang nên lập biên bản xử lý theo quy định.

Hành vi của N. T. T. X là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội, nếp sống văn minh, sức khỏe con người gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương do đó cần phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với chính bị cáo và phòng ngừa chung cho người khác.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo N. T. T. X về tội: “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo N. T. T. X phạm tội: “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo N. T. T. X phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đã thuê nhà để mua bán, trang bị máy hát karaoke trong nhà nhằm để cho thuê hát kiếm sống hàng ngày, số tiền thu lợi không lớn, phạm tội lần đầu nên được xem là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS do đó cần xem xét tính chất mức độ hậu quả áp dụng Điều 65 BLHS để xét xử bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo tự tu dưỡng, rèn luyện.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với ông L. L và chị P. T. N. A đã thực hiện hành vi mua bán dâm nên bị Công an huyện A xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

[5] Về Xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 200.000 đồng Việt Nam là số tiền liên quan đến vụ án nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N. T. T. X phải chịu án phí HSST.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;*

*Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

*Căn cứ vào các điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

#### **Tuyên xử:**

1. Tuyên bố bị cáo N. T. T. X phạm tội “Chứa mại dâm”.

1.1. Xử phạt: bị cáo N. T. T. X **12 (Mười hai) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24 (Hai mươi bốn) tháng**, kể từ ngày tuyên án 29/11/2022.

Giao bị cáo N. T. T. X cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

## 2. Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A.

Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A

3. Về án phí: Bị cáo N. T. T. X phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

## **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Cơ quan THAHS Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**P. L. L**